

Tăng tỷ trọng

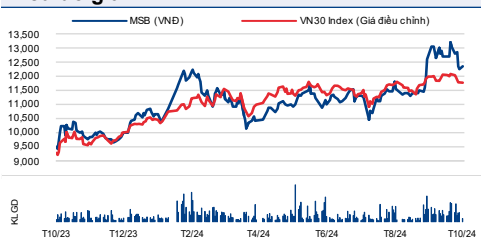
Giá mục tiêu: VNĐ14,000

Tiềm năng tăng/giảm: 13.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/10/2024)	12,350
Mã Bloomberg	MSB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,423-13,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	12,317
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	32,110
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,269
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,600
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	780
Slg CP NN được mua (tr.đv)	5.90
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.8%
Tỷ lệ freefloat	75.7%
Cổ đông lớn	VNPT (6.05%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	267,006	311,392	351,800
Dư nợ cho vay (ntđ)	149,145	176,312	208,314
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	12,259	14,778	15,967
Lợi nhuận thuần (ntđ)	4,644	5,440	5,509
BVPS (đồng)	12,038	13,999	16,118
EPS (đồng)	1,793	2,092	2,119
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	23.6	18.2	18.2
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	14.6	20.5	8.04
Tăng trưởng EPS (%)	0.25	16.7	1.26
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	16.0	16.1	14.1
ROAA (%)	1.94	1.88	1.66
Tỷ lệ NIM (%)	4.10	3.79	4.01
Tỷ lệ CIR (%)	39.3	35.3	37.6
Hệ số CAR (%)	12.8	12.9	13.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.87	2.90	2.70
LLR/nợ xấu (%)	55.2	57.7	59.7
Hệ số LDR (%)	113	109	110
P/B (lần)	1.03	0.88	0.77
P/E (lần)	6.89	5.90	5.83
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngân hàng tư nhân quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam, tập trung vào mảng bất động sản và cho vay mua nhà.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên , Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

LNTT giảm 28%, thấp hơn một chút so với dự báo

- LNTT Q3/2024 giảm 28% so với cùng kỳ đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, LNTT 9 tháng đầu năm 2024 đạt 4,9 nghìn tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ và bằng 72% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả Q3 thấp hơn so với dự báo của chúng tôi do tỷ lệ NIM & lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối không đạt kỳ vọng.
- Chất lượng tài sản có dấu hiệu hồi phục tích cực với tỷ lệ nợ xấu & nợ xấu mới hình thành cải thiện.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu là 14.000đ. MSB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 0,87 lần, thấp hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,24 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024 vào ngày 29/10/2024

MSB công bố KQKD Q3/2024 với LNTT đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ, do tổng thu nhập hoạt động giảm 7% so với cùng kỳ (trong đó thu nhập lãi thuần giảm 2% và HĐKD ngoại hối ghi nhận lỗ) và chi phí dự phòng tăng 34% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT đạt 4,9 nghìn tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ, bằng 72% dự báo và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Thu nhập lãi thuần giảm do tỷ lệ NIM giảm

Thu nhập lãi thuần Q3/2024 giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ do tác động tiêu cực từ việc tỷ lệ NIM sụt giảm lớn hơn tác động tích cực từ tăng trưởng tín dụng.

Tăng trưởng tín dụng giảm tốc trong Q3/2024: Tăng trưởng tín dụng kể từ đầu năm đạt 14,2%, trong đó tín dụng Ngân hàng mẹ tăng trưởng 15,1%. Tuy nhiên, tín dụng của công ty con tài chính tiêu dùng TNEX giảm mạnh 46,4%. So với quý trước, tăng trưởng tín dụng đã chững lại chỉ đạt 2,5%. Phân khúc khách hàng cá nhân đã có dấu hiệu hồi phục trong Q3, tăng 7,2% so với quý trước, trong khi phân khúc khách hàng doanh nghiệp đi ngang, chỉ tăng 1,1% so với quý trước. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tăng trưởng tín dụng phân khúc khách hàng doanh nghiệp (tăng 19,4% kể từ đầu năm) là động lực, so với phân khúc khách hàng cá nhân (chỉ tăng 0,6% kể từ đầu năm).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3 & 9 tháng đầu năm 2024, MSB

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% so với cùng kỳ	9T2023	9T2024	% so với cùng kỳ	% dự báo của HSC
Thu nhập lãi thuần	2,438	2,396	-2%	6,806	7,103	4%	68%
Thu nhập ngoài lãi	733	537	-27%	2,761	2,860	4%	66%
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	234	371	58%	1,316	1,040	-21%	79%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	566	-131	-123%	1,031	846	-18%	68%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	-5	66		218	153	-30%	85%
Thu nhập thuần khác	-62	230		196	821	319%	51%
Thu nhập từ góp vốn/mua cổ phần	0	0		0	0		0%
Tổng thu nhập HĐ	3,171	2,933	-7%	9,567	9,964	4%	67%
Chi phí HĐ	-1,080	-1,163	8%	-3,025	-3,339	10%	64%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	2,091	1,770	-15%	6,542	6,625	1%	69%
Chi phí dự phòng	-416	-558	34%	-1,319	-1,723	31%	63%
LNTT	1,675	1,212	-28%	5,223	4,901	-6%	72%
Lợi nhuận thuần	1,325	978	-26%	4,161	3,902	-6%	72%

Nguồn: MSB, HSC

Đối với huy động, tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 17,6% kể từ đầu năm trong khi gần như đi ngang so với quý trước. Từ đó, hệ số LDR điều chỉnh (tổng dư nợ tín dụng/tổng tiền gửi khách hàng & giấy tờ có giá) là 104%, tăng từ 101% trong Q2/2024.

Tỷ lệ NIM giảm nhẹ so với quý trước, sát với xu hướng ngành: Tỷ lệ NIM Q3 đạt 3,3%, giảm 8 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 96 điểm cơ bản so với cùng kỳ), thấp hơn dự báo của chúng tôi nhưng sát với xu hướng ngành. Tỷ lệ NIM giảm nhẹ so với quý trước chủ yếu do chi phí huy động tăng 6 điểm cơ bản so với quý trước trong khi lợi suất gộp đi ngang so với quý trước. Trong bối cảnh nhu cầu thấp và cạnh tranh cao, MSB không thể chuyển hết phần gia tăng của chi phí huy động sang cho khách hàng.

Dưới đây là một số thông tin về nguyên nhân khiến tỷ lệ NIM tiếp tục xu hướng giảm, thay vì hồi phục như dự báo:

- Sức ép từ chi phí tiền gửi lên chi phí huy động cao hơn dự báo.
- Lợi suất gộp không đạt dự báo do lợi suất hoạt động tín dụng khác (=thu nhập lãi từ hoạt động tín dụng khác/trung bình tài sản sinh lãi) sụt giảm. Lưu ý rằng thu nhập lãi khác của MSB đã tăng đáng kể nhờ thu hồi lãi từ các khoản vay quá hạn. HSC trước đó đã đề cập về rủi ro giảm đối với dự báo lợi suất gộp của chúng tôi đến từ thu nhập lãi khác nếu khách hàng vay mất khả năng chi trả hoặc thanh toán muộn.

Thu nhập ngoài lãi thấp do lỗ HĐ kinh doanh ngoại hối

Thu nhập ngoài lãi Q3 giảm 27% so với cùng kỳ do tác động tiêu cực từ khoản lỗ HĐ kinh doanh ngoại hối 131 tỷ đồng, bù trừ tác động tích cực từ sự gia tăng trong: lãi thuần HĐ dịch vụ (tăng 58% so với cùng kỳ), lãi mua bán trái phiếu & thu nhập thuần khác (so với lỗ trong năm ngoái).

MSB ghi nhận 89 tỷ đồng thu nhập từ thu hồi nợ xấu trong quý. Từ đó, thu nhập từ thu hồi nợ xấu 9 tháng đầu năm 2024 đạt 966 tỷ đồng (tăng 9 lần so với cùng kỳ) – hoàn thành 54% kế hoạch của BLĐ và bằng 50% dự báo của chúng tôi, sát với dự báo của chúng tôi. 1 nghìn tỷ đồng thu nhập từ thu hồi nợ xấu còn lại dự kiến sẽ ghi nhận vào Q4/2024; tuy nhiên, khoản thu nhập này vẫn còn chưa chắc chắn.

Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ

Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ với tỷ lệ nợ xấu giảm, lãi dự thu giảm và tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên. Tuy nhiên, tài sản có vấn đề tại MSB vẫn tiếp tục ở mức cao.

Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 2,9% từ 3,1% trong Q2/2024 nhưng vẫn cao so với ngành. Sự sụt giảm này là nhờ (1) nợ xấu mới hình thành giảm xuống 0,2% (so với mức bình quân là 0,5% kể từ thời điểm bắt đầu xấu đi từ đầu năm 2023) và (2) tốc độ xử lý nợ xấu (tỷ lệ nợ xấu được xóa là 0,3% dư nợ cho vay bình quân) nhanh hơn tỷ lệ nợ xấu mới hình thành. Hệ số LLR cũng cải thiện lên 63% từ 59% trong Q2/2024 và 54% trong Q1/2024. Tỷ lệ lãi dự thu/nợ nhóm 1 cũng giảm xuống 2,5%, vẫn trong xu hướng giảm từ mức đỉnh 3 năm là 3,8% thiết lập vào cuối Q1/2024. Tuy nhiên tỷ lệ này vẫn ở mức cao so với ngành.

Chi phí dự phòng tăng 34% so với cùng kỳ trong Q3/2024 và tăng 31% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2024. Từ đó, chi phí tín dụng kể từ đầu năm là 1,4%, cao hơn một chút so với năm ngoái là 1,3% và bình quân 5 năm ở mức 1,3%. HSC kỳ vọng chi phí tín dụng sẽ ở mức cao trong những quý sắp tới do Ngân hàng đang trong quá trình làm sạch bảng CĐKT.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Mặc dù lợi nhuận thấp hơn một chút so với dự báo nhưng chất lượng tài sản đã có dấu hiệu cải thiện ban đầu, đây là điều rất quan trọng đối với MSB ở thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, rủi ro về chất lượng tài sản vẫn hiện hữu do tỷ lệ nợ xấu vẫn ở mức cao và dự kiến Ngân hàng sẽ cần một vài năm để xử lý hoàn toàn những vấn đề này. Ngoài ra, rủi ro chính đối với dự báo năm nay của

chúng tôi nằm ở khoản thu nhập từ thu hồi nợ xấu dự kiến được ghi nhận vào Q4/2024.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu. MSB đang giao dịch với P/B và P/E dự phóng năm 2024 lần lượt là 0,87 lần và 5,8 lần, thấp hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân lần lượt ở mức 1,24 lần và 7,6 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	13,252	18,951	18,834	22,284	26,649
Chi phí lãi	(4,930)	(9,763)	(8,391)	(9,551)	(11,512)
Thu nhập lãi thuần	8,322	9,189	10,443	12,733	15,137
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,112	1,597	1,319	1,651	1,948
Lãi thuần HĐ KDNH	1,000	1,072	1,236	775	915
Lãi/lỗ từ mua bán CK	681	499	180	375	409
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.88	1.63	1.71	1.71	1.71
Thu nhập khác	(423)	(99.5)	1,598	430	532
Tổng thu nhập HĐ	10,694	12,259	14,778	15,967	18,943
Chi phí HĐ	(4,428)	(4,812)	(5,214)	(6,008)	(7,089)
LN trước dự phòng	6,266	7,447	9,564	9,959	11,854
Chi phí dự phòng	(479)	(1,617)	(2,729)	(3,073)	(3,873)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,787	5,830	6,835	6,886	7,981
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,186)	(1,395)	(1,377)	(1,596)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	4,616	4,644	5,440	5,509	6,385
EPS (đồng)	1,788	1,793	2,092	2,119	2,456
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,581	2,591	2,600	2,600	2,600
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,581	2,600	2,600	2,600	2,600
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,581	2,600	2,600	2,600	2,600

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,394	940	1,422	1,667	2,072
Tiền gửi tại NHNN	3,690	4,589	3,236	3,791	4,714
Tiền gửi tại các TCTD khác	39,244	61,150	62,029	70,719	86,714
Chứng khoán kinh doanh	21.7	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	446	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	119,213	146,783	173,361	204,958	242,343
Tổng dư nợ cho vay	120,644	149,145	176,312	208,314	246,077
Dự phòng rủi ro	(1,431)	(2,363)	(2,951)	(3,356)	(3,734)
Chứng khoán đầu tư	31,535	37,880	56,569	53,526	66,178
CK đầu tư sẵn sàng để bán	31,554	37,897	56,595	53,558	66,237
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(19.3)	(17.1)	(25.5)	(31.7)	(58.3)
Đầu tư dài hạn	10.0	10.0	17.0	17.0	17.0
Tài sản cố định	383	403	403	382	363
Tài sản khác	16,841	15,252	14,355	16,739	19,760
Tổng tài sản	212,776	267,006	311,392	351,800	422,163
Nợ phải trả	186,122	235,708	274,995	309,895	373,872
Tiền gửi của NHNN	1,015	1,013	1,297	1,141	1,417
Tiền gửi của các TCTD khác	50,374	85,554	88,896	92,309	103,974
Tổng tiền gửi KH	117,121	132,350	161,790	189,566	235,716
Trái phiếu và CCTG	11,600	8,991	16,001	18,748	23,313
Nợ khác	6,013	7,537	6,223	7,343	8,664
Vốn chủ sở hữu	26,654	31,298	36,397	41,906	48,290
Vốn điều lệ	19,858	20,000	26,000	26,000	26,000
Thặng dư vốn cổ phần	33.5	33.5	33.0	33.0	33.0
Lợi nhuận giữ lại	4,866	8,674	7,417	12,109	17,668
Quỹ & vốn khác của CSH	1,897	2,591	2,947	3,763	4,589
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	212,776	267,006	311,392	351,800	422,163
BVPS (đồng)	10,325	12,038	13,999	16,118	18,573

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	4.47	25.5	16.6	13.0	20.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	18.8	23.6	18.2	18.2	18.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	23.8	13.0	22.2	17.2	24.3
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	19.6	9.81	25.8	17.2	24.3
Tăng trưởng VCSH (%)	20.9	17.4	16.3	15.1	15.2
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	33.9	10.4	13.7	21.9	18.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	12.6	8.68	8.34	15.2	18.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(5.87)	18.8	28.4	4.13	19.0
Tăng trưởng LNTT (%)	13.7	0.74	17.2	0.74	15.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	14.4	0.61	17.1	1.26	15.9

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.14	5.11	5.11	4.82	4.90
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.13)	(2.01)	(1.80)	(1.81)	(1.83)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	91.6	93.4	95.3	95.7	95.6
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.70	1.94	2.32	2.50	2.97
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	17.6	17.7	20.7	20.9	24.3

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.91	6.89	5.90	5.83	5.03
P/B (lần)	1.20	1.03	0.88	0.77	0.66
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	43.2	37.9	36.8	34.5	33.7
ROAA (%)	2.22	1.94	1.88	1.66	1.65
ROAE (%)	19.0	16.0	16.1	14.1	14.2
Chi phí huy động BQ (%)	2.76	4.79	3.38	3.35	3.46
Lợi suất góp BQ (%)	6.95	8.46	6.84	7.02	7.20
Lợi suất thuần (%)	4.18	3.68	3.45	3.67	3.75
Tỷ lệ NIM (%)	4.36	4.10	3.79	4.01	4.09
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.4	13.0	8.92	10.3	10.3
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.8	75.0	70.7	79.7	79.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	22.2	25.0	29.3	20.3	20.1
Tỷ lệ CIR (%)	41.4	39.3	35.3	37.6	37.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.3	12.8	12.9	13.2	12.7
VCSH/Tổng TS (%)	12.5	11.7	11.7	11.9	11.4
Đòn bẩy vốn (lần)	7.98	8.53	8.56	8.40	8.74

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.71	2.87	2.90	2.70	2.40
Hệ số LLR (%)	69.2	55.2	57.7	59.7	63.2

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	103	113	109	110	104
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	28.1	37.7	33.3	30.7	28.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	56.7	55.9	56.6	59.2	58.3

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	263	263	263	263	263
Số lượng nhân viên	6,308	6,317	6,380	6,380	6,380

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn